

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/DSST;
Ngày: 22/5/2019;
Tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Tám**;

Bà **Lý Thị Bé Năm**;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền**, Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 219/2018/TLST-DS ngày 12/12/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-DS ngày 16/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-DS ngày 03/5/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

- **Bị đơn:** **Đặng Thị Tuyết N** (Đặng Thị N) sinh năm 1959;

Huỳnh Thị Bích V, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- **Nguyễn Thị Thanh T** (T C), sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

(Có mặt bà U; bà N, bà V, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:*

Bà có mở và làm chủ hụi khui ngày 30/5/2012 (mãn ngày 30/6/2014), hụi tiền mỗi tháng khui một lần, mỗi phần là 5.000.000 đồng, dây hụi có 26 phần. Bà N và bà V tham gia 01 phần. Đến kỳ khui hụi lần 2 bà N và bà V hốt hụi, bà đã nhờ bà T (bà T là chị ruột của bà) giao đủ số tiền là 83.620.000 đồng cho bà N và bà V. Khi nhận tiền bà N và bà V có viết biên nhận tiền, bà N đại diện ký tên trong biên nhận tiền cho bà. Sau khi bà N và bà V hốt hụi bà N và bà V không đóng hụi chết cho bà.

Hiện nay dây hụi nêu trên đã mãn, trong dây hụi này bà N và bà V còn nợ bà 24 phần với số tiền là 120.000.000 đồng (24 phần x 5.000.000 đồng/phần). Bà đã nhiều lần yêu cầu bà N và bà V trả số tiền nợ hụi số tiền là 120.000.000 đồng. Bà N và bà V hứa sau khi bán nhà tại khu dân cư Mỹ Phước Tây sẽ trả nợ cho bà, nhưng sau khi bán nhà thì bà N và bà V không trả tiền nợ hụi cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Tuyết N và Huỳnh Thị Bích V trả cho bà số tiền nợ hụi là 120.000.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T (T C) trình bày: Vào ngày 30/6/2012 (al) Má của bà bị bệnh hấp hối ở bệnh, em của bà là Nguyễn Thị U đang nuôi bệnh nên có nhờ bà đi đến nhà của bà Đặng Thị Tuyết N và con của bà N là Huỳnh Thị Bích V giao số tiền hụi cho bà N và bà V số tiền là 83.620.000 đồng. Bà N và bà V đã nhận số tiền trên có viết và ký tên biên nhận hụi của chị U.

* Bị đơn bà Đặng Thị Tuyết N (Đặng Thị N) và Huỳnh Thị Bích V mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đặng Thị Tuyết N trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền nợ hụi là 120.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Đặng Thị Tuyết N (Đặng Thị N) và bà Huỳnh Thị Bích V trả số tiền nợ hụi là 120.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị U và bà Đặng Thị Tuyết N; Huỳnh Thị Bích V là tranh chấp hợp đồng góp hụi được xem xét giải quyết theo Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]Về tố tụng: Bà Đặng Thị Tuyết N và Huỳnh Thị Bích V vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]Về nội dung: Tại phiên tòa, Bà U trình bày Bà có mở và làm chủ hội khui ngày 30/5/2012 (mãn ngày 30/6/2014), hội tiền mỗi tháng khui một lần, mỗi phần là 5.000.000 đồng, đây hội có 26 phần. Bà N và bà V tham gia 01 phần. Đến kỳ khui hội lần 2 bà N và bà V hốt hội, bà đã nhờ bà T (bà T là chị ruột của bà) giao đủ số tiền là 83.620.000 đồng cho bà N và bà V. Khi nhận tiền bà N và bà V có viết biên nhận tiền, bà N đại diện ký tên trong biên nhận tiền. Sau khi bà N, bà V hốt hội bà N, bà V không đóng hội chết cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Tuyết N và Huỳnh Thị Bích V trả cho bà số tiền nợ hội là 120.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà U là có cơ sở bởi lẽ bà U làm chủ hội của nhiều đây hội, theo quy định khi giao hội hoặc hốt hội đều có ký nhận vào biên nhận hội do bà in sẵn. Tại đây hội khui ngày 30/5/2012 và mãn ngày 30/6/2014. Trong đây hội này có bà Đặng Thị Tuyết N (tên thường gọi Đặng Thị N) và bà Huỳnh Thị Bích V (Bích V là con ruột bà N) có tham gia 01 phần hội. Đến kỳ khui hội lần 2 thì bà N và bà V hốt hội. Khi giao hội cho bà N và bà V, do bà U bận việc nên có nhờ bà Nguyễn Thị Thanh T (T C) là chị ruột của bà giao hội cho bà N và bà V, bà V và bà N có ký vào biên nhận giao hội ngày 30/6/2012. Sau khi hốt hội thì bà N, bà V không đóng hội chết cho bà U. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà U. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà U yêu cầu bà N và bà V trả tiền nợ hội cho bà là có cơ sở cần chấp nhận.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N và chị V phải chịu án phí theo định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 244; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội biểu, phùng.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

Buộc bà Đặng Thị Tuyết N (tên thường gọi Đặng Thị N) và bà Huỳnh Thị Bích V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà N, bà V chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đặng Thị Tuyết N (tên thường gọi Đặng Thị N) và bà Huỳnh Thị Bích V liên đới chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại bà Nguyễn Thị U số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001945 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

Bà U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Riêng bà N; bà V; bà T (T C) kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đặt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND tx Cai Lậy;
- CC. THADS TX Cai Lậy (để thi hành);
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hòa Hợp